

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 169/2019/HNGĐ-ST

Ngày 02 tháng 7 năm 2019

V/v: “*Ly hôn – Tranh chấp nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Năm**

2. Ông **Bùi Xuân Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Ly hôn – Tranh chấp nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị B**, sinh năm 1986. Trú tại: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1981. Trú tại: Ấp 1/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(*Nguyên và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (*Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 29/3/2010*).

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên, chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Hải A, sinh ngày 27/01/2011. Hiên, cháu A do anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu A cho anh G được tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Anh Nguyễn Trường G trình bày: Anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị B. Anh đồng ý ly hôn với chị B. Về con chung: Nếu cháu A có nguyện vọng ở với anh thì anh đồng ý nuôi cháu. Không yêu cầu chị B cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Hải A có nguyện vọng được sống chung với anh Nguyễn Trường G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường G nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: “*Ly hôn – Tranh chấp nuôi con chung*”. Anh Nguyễn Trường G có hộ khẩu thường trú tại huyện Trần Văn Thời nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Trường G đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Trường G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (*Giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 29/3/2010*) nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị B yêu cầu ly hôn với anh G, vì cho rằng cuộc sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn lại được. Hiện, chị và anh G đã không còn chung sống với nhau và đã ly thân trên 8 năm nay. Đối với anh G, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh G không đến. Sau đó, anh G có cung cấp cho Tòa án, ý kiến về tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Anh G, xác định vợ chồng đã có mâu thuẫn như chị B trình bày và nay anh đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị B. Xét, cả chị B và anh G không ai muốn tiếp tục mối quan hệ hôn nhân và hiện anh chị đã ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng. Trong khoảng thời gian này, giữa anh chị không ai quan tâm, lo lắng cho ai và mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị B về việc ly hôn với anh G, là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị B và anh G có 01 người con chung tên Nguyễn Hải A, sinh ngày 27/01/2011. Hiện, cháu A do anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị B

đồng ý giao cháu A cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng. Đối với anh G, nếu cháu Ân có nguyện vọng ở với anh thì anh đồng ý nuôi cháu. Không yêu cầu chị B cấp dưỡng.

Xét, con chung tên Nguyễn Hải A hiện đang sống chung với anh G, để ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu A cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A, phù hợp với sự thỏa thuận giữa chị B và anh G. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung. Chị B không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ*: Chị B và anh G không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 238; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 27/01/2011 cho anh Nguyễn Trường G trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trần Thị B không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ: Chị B và anh G không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị B đã dự nộp trước 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003284 ngày 18/6/2019, được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang